

Số: 213 /TB-TCĐL  
No.: 213 /TB-TCĐL

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2026  
Hanoi, August 22, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG  
IRREGULAR DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
To: State Securities Commission of Vietnam  
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Organization name: Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (EVF)/ EVF General Finance Joint Stock Company.
  - Mã chứng khoán/Stock code: FVF
  - Địa chỉ/Address: Tầng 6 và 7, Tòa nhà Thaisquare Caliria - số 11A Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội/ 6th and 7th Floors, Thaisquare Caliria Building, No. 11A Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi.
  - Điện thoại/Tel: 024.2222.9999 Fax: 024.2222.1999
  - Email: [lienhe@evnfc.vn](mailto:lienhe@evnfc.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/Content of disclosure:

Ngày 22/8/2026, Hội đồng Quản trị EVF ban hành Nghị quyết số 50/NQ-HĐQT-TCĐL về việc Phương án tăng vốn điều lệ của CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ/Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

*On August 22, 2026, the Board of Directors of EVF issued Resolution No. 50/NQ-HĐQT-TCĐL regarding the Capital Increase Plan of EVF General Finance Joint Stock Company through a private placement of shares / Private Placement Plan and the Plan for the Use of Proceeds from the Private Placement of Shares*

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của EVF ngày 22/8/2026 theo đường dẫn: <https://www.evnfc.vn/thong-tin-co-dong>

*This information is announced on EVF's website on August 22, 2026 by path: <https://www.evnfc.vn/regular-information>*



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*We hereby commit that the information disclosed above is true and will fully take responsibility legally for the content of the information disclosed./.*

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như kính gửi/As above;
- Lưu/Archives: K.QTĐH/Governance Office.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE  
INFORMATION**



**NGUYỄN THỊ PHONG LAN**



*Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2026*

*Về việc Phương án tăng vốn điều lệ của CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ/Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các Luật sửa đổi, bổ sung của Luật các Tổ chức Tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC (EVF);
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 21/8/2026 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của EVF;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị EVF số 46/BB-HĐQT-TCĐL ngày 22 tháng 8 năm 2026;

**Điều 1.** Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ/Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ (“Phương án tăng vốn điều lệ”) trên cơ sở các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 EVF thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 21/8/2026. Chi tiết Phương án tại Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này.

**Điều 2.** Giao Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xin chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ, thủ tục đăng ký chào bán, và các thủ tục cần thiết khác.

W.S.D.N:0102



**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu K.QTĐH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**PHẠM TRUNG KIÊN**

**PHỤ LỤC 01. Phương án tăng vốn điều lệ của CÔNG TY TÀI CHÍNH  
TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ/Phương án  
chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào  
bán cổ phiếu riêng lẻ (Sau đây gọi là Phương án tăng vốn điều lệ)**

(Đính kèm Nghị quyết số 50/NQ-HĐQT-TCĐL ngày 22/8/2026)

Căn cứ xây dựng và ban hành Phương án tăng vốn điều lệ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 49/2025/TT-NHNN ngày 23/12/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Căn cứ các quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 21/8/2026 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ/Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tất cả các công việc và vấn đề liên quan để tổ chức triển khai, thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ nhu cầu bổ sung vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2026–2028,

Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực ban hành Phương án tăng vốn điều lệ với các nội dung sau:

## **I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

### **1. Bổ sung năng lực vốn phục vụ tăng trưởng**

Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (Công ty/EVF) đang chuyển sang giai đoạn tăng trưởng theo hướng an toàn, hiệu quả, kiểm soát rủi ro và nâng cao chất lượng danh mục tài sản sinh lời. Việc tăng vốn điều lệ giúp Công ty bổ sung nguồn lực để:

- Mở rộng hoạt động cấp tín dụng trong phạm vi pháp luật và Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cho phép;
- Tăng khả năng tham gia các khoản tài trợ, đồng tài trợ và các giao dịch cấp tín dụng có quy mô phù hợp;
- Phát triển các sản phẩm và phân khúc khách hàng có mức độ rủi ro và hiệu quả sinh lời phù hợp với khẩu vị và định hướng kinh doanh của Công ty;
- Chủ động phân bổ vốn cho các khách hàng, lĩnh vực và phương án kinh doanh có hiệu quả;
- Tạo nền tảng thực hiện kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản, dư nợ cấp tín dụng và lợi nhuận trong giai đoạn 2026–2028.

## **2. Củng cố năng lực vốn và tạo dư địa duy trì tỷ lệ an toàn vốn**

Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến góp phần tăng vốn tự có, tạo dư địa cho tăng trưởng tài sản có rủi ro và hỗ trợ Công ty duy trì tỷ lệ an toàn vốn ở mức phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và giới hạn quản trị nội bộ.

Việc bổ sung vốn giúp Công ty chủ động hơn trong việc cân đối giữa tăng trưởng kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn và yêu cầu bảo đảm an toàn hoạt động.

## **3. Nâng cao năng lực huy động vốn**

Quy mô vốn chủ sở hữu lớn hơn góp phần:

- Nâng cao uy tín của Công ty đối với các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, nhà đầu tư và các đối tác cấp vốn;
- Cải thiện năng lực tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn;
- Mở rộng khả năng đa dạng hóa nguồn vốn;
- Hỗ trợ tối ưu cơ cấu nguồn vốn, kỳ hạn huy động và chi phí vốn;
- Nâng cao khả năng huy động vốn trên thị trường trong nước và quốc tế.

## **4. Nâng cao khả năng chống chịu rủi ro**

Việc bổ sung vốn tạo thêm bộ đệm tài chính để Công ty ứng phó với:

- Biến động kinh tế và thị trường tài chính;
- Rủi ro tín dụng và khả năng suy giảm chất lượng tài sản;
- Biến động lãi suất, thanh khoản và chi phí vốn;
- Yêu cầu tăng cường trích lập dự phòng;
- Những thay đổi liên quan đến phương pháp xác định vốn tự có, tài sản có rủi ro và các tỷ lệ bảo đảm an toàn.

## **5. Hỗ trợ mục tiêu nâng cao xếp hạng tín nhiệm và giá trị doanh nghiệp**

Quy mô vốn, chất lượng vốn và khả năng tạo vốn nội bộ là các yếu tố quan trọng trong đánh giá của đối tác, chủ nợ, nhà đầu tư và tổ chức xếp hạng tín nhiệm.

Việc tăng vốn là nền tảng để Công ty:

- Củng cố vị thế trên thị trường tài chính;
- Mở rộng khả năng tiếp cận thị trường vốn;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Hỗ trợ cải thiện đánh giá tín nhiệm;
- Gia tăng giá trị dài hạn cho Công ty và cổ đông.

## **II. MỨC VỐN ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI, MỨC VỐN ĐIỀU LỆ DỰ KIẾN TĂNG THÊM**

- 1. Vốn điều lệ trước khi tăng vốn:** 7.605.658.020.000 đồng  
(*Bằng chữ: Bảy nghìn sáu trăm linh năm tỷ, sáu trăm năm mươi tám triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*), tương ứng 760.565.802 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 2. Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:** Tối đa 850.000.000.000 đồng, tương ứng tối đa 85.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 3. Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành đợt chào bán:** Tối đa 8.455.658.020.000 đồng (*Bằng chữ: Tám nghìn bốn trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm năm mươi tám triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*), tương ứng tối đa 845.565.802 cổ phiếu.  
(*Vốn điều lệ thực tế sau đợt chào bán được xác định theo số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thành công và được ghi nhận sau khi Công ty hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật.*)

## **III. CÁC ĐỢT DỰ KIẾN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM, NGUỒN SỬ DỤNG ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ; CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC ĐỢT DỰ KIẾN PHÁT HÀNH TRONG NĂM; PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRONG TỪNG ĐỢT**

### **1. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ**

Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ của Công ty là số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Phương án này. Việc xác định, ghi nhận mức tăng vốn điều lệ và hạch toán các khoản có liên quan đến đợt chào bán được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy định có liên quan.

### **2. Số đợt dự kiến tăng vốn**

Công ty dự kiến chỉ thực hiện 01 đợt tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm triển khai cụ thể trong phạm vi thời gian và nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với tiến độ chấp thuận của cơ quan quản lý và điều kiện thực tế.

### 3. Thông tin về đợt chào bán

| STT | Nội dung                                        | Thông tin                                            |
|-----|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1   | Tổ chức chào bán                                | Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực          |
| 2   | Tên viết tắt                                    | EVF                                                  |
| 3   | Mã cổ phiếu                                     | EVF                                                  |
| 4   | Vốn điều lệ                                     | 7.605.658.020.000 đồng                               |
| 5   | Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                 | 760.565.802 cổ phiếu                                 |
| 6   | Tên cổ phiếu chào bán                           | Cổ phiếu Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực |
| 7   | Loại cổ phiếu chào bán                          | Cổ phiếu phổ thông                                   |
| 8   | Mệnh giá                                        | 10.000 đồng/cổ phiếu                                 |
| 9   | Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán              | Tối đa 85.000.000 cổ phiếu                           |
| 10  | Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá             | Tối đa 850.000.000.000 đồng                          |
| 11  | Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau chào bán | Tối đa 845.565.802 cổ phiếu                          |
| 12  | Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán                | Tối đa 8.455.658.020.000 đồng                        |

### 4. Nguyên tắc xác định giá chào bán

Giá chào bán được xác định theo công thức:

**Giá chào bán = Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu EVF tại ngày 31/12/2025 × (1 + Tỷ lệ điều chỉnh).**

Trong đó:

- Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu EVF được xác định trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty;
- Tỷ lệ điều chỉnh là tỷ lệ tăng thêm so với giá trị sổ sách trên một cổ phiếu EVF tại ngày 31/12/2025, được xác định trên cơ sở kết quả đàm phán với nhà đầu tư và không vượt quá 15% giá trị sổ sách trên một cổ phiếu EVF tại ngày 31/12/2025.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:

- Vốn chủ sở hữu: 9.876.289 triệu đồng;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 760.565.802 cổ phiếu;  
Trong đó, số lượng cổ phiếu phổ thông: 760.565.802 cổ phiếu
- Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu tại ngày 31/12/2025: 12.985,4 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ nội dung được Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 21/8/2026, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định giá chào bán cụ thể trên cơ sở:

- Nguyên tắc xác định giá đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Kết quả đàm phán với nhà đầu tư.

Giá chào bán cụ thể được Hội đồng Quản trị thông qua tại Nghị quyết hoặc quyết định riêng trước khi triển khai đợt chào bán đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan.

#### 5. Tổng số tiền dự kiến thu được

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được xác định như sau:

$$\text{Tổng số tiền thu được} = \text{Số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thành công} \times \text{Giá chào bán thực tế}$$

Do giá chào bán dự kiến cao hơn mệnh giá, tổng số tiền thu được dự kiến lớn hơn giá trị tăng vốn điều lệ theo mệnh giá.

Việc xác định, ghi nhận mức tăng vốn điều lệ và hạch toán các khoản có liên quan đến đợt chào bán được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy định có liên quan.

#### 6. Mục đích chào bán

Đợt chào bán được thực hiện nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính của Công ty.

#### 7. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán riêng lẻ, sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan, được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính của Công ty, cụ thể:

| Phương án sử dụng vốn                             | Tỷ lệ phân bổ | Thời gian sử dụng dự kiến  |
|---------------------------------------------------|---------------|----------------------------|
| Hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng của Công ty | 100%          | Trong năm 2026 và năm 2027 |

### **Nhu cầu vốn dự kiến được tài trợ**

Nguồn vốn dự kiến được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu vốn hợp pháp của khách hàng, có thể bao gồm:

- Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Đầu tư tài sản cố định, máy móc, thiết bị;
- Thực hiện dự án, phương án đầu tư trung và dài hạn;
- Các nhu cầu vốn hợp pháp khác thuộc phạm vi cấp tín dụng được pháp luật và Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty cho phép.

### **Nguyên tắc phân bổ và sử dụng vốn**

Việc phân bổ vốn thực tế được thực hiện căn cứ:

- Nhu cầu thị trường và khả năng hấp thụ vốn của khách hàng;
- Hiệu quả sử dụng vốn;
- Khả năng trả nợ của khách hàng;
- Khẩu vị rủi ro của Công ty;
- Hạn mức khách hàng, nhóm khách hàng, ngành và lĩnh vực;
- Giới hạn tăng trưởng tín dụng;
- Các tỷ lệ bảo đảm an toàn;
- Quy định pháp luật tại thời điểm cấp tín dụng.

### **Nguyên tắc xử lý trong trường hợp số tiền huy động hoặc tiến độ sử dụng vốn thay đổi**

Toàn bộ số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan, được sử dụng cho hoạt động cấp tín dụng theo Phương án này, không phụ thuộc vào số tiền huy động thực tế.

Trường hợp số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán thấp hơn số tiền dự kiến, Công ty sẽ điều chỉnh tương ứng quy mô cấp tín dụng và kế hoạch tài chính phù hợp với số tiền thực tế huy động được, đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn an toàn và hiệu quả hoạt động.

Trường hợp tiến độ thực hiện đợt chào bán hoặc tiến độ giải ngân thay đổi so với dự kiến, Công ty thực hiện điều chỉnh tiến độ sử dụng vốn trong phạm vi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật, nhưng không làm thay đổi mục đích sử dụng vốn đã được phê duyệt.

### **Quản lý nguồn tiền trong thời gian chưa giải ngân**

Trong thời gian chờ giải ngân cho hoạt động cấp tín dụng, số tiền chưa sử dụng được quản lý theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, bảo đảm an toàn, thanh khoản và khả năng sẵn sàng giải ngân cho hoạt động cấp tín dụng.

Việc quản lý nguồn tiền trong thời gian chưa giải ngân không làm thay đổi mục đích sử dụng vốn đã được phê duyệt.

### **Mối quan hệ giữa nguồn vốn từ đợt chào bán và tổng nhu cầu vốn của Công ty**

Số tiền thu được từ đợt chào bán là một cấu phần trong tổng nguồn vốn phục vụ kế hoạch tăng trưởng cấp tín dụng của Công ty. Phần nhu cầu vốn còn lại để thực hiện kế hoạch tăng trưởng cấp tín dụng được Công ty cân đối từ các nguồn huy động, dòng tiền thu nợ, lợi nhuận giữ lại và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các biến động của các khoản mục tài sản khác trong kế hoạch tài chính được hình thành từ quá trình quản trị tổng thể bảng cân đối kế toán và các nguồn vốn hợp pháp khác của Công ty. Số tiền thu được từ đợt chào bán không được sử dụng cho các mục đích ngoài hoạt động cấp tín dụng nêu tại Phương án này.

### **8. Đối tượng chào bán và tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư**

Đối tượng chào bán là nhà đầu tư tổ chức hoặc cá nhân trong nước, nước ngoài đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật tại thời điểm tham gia đợt chào bán;
- Có đầy đủ tư cách pháp lý và năng lực hành vi dân sự;
- Có năng lực tài chính để thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền mua cổ phiếu;
- Có nguồn tiền đầu tư hợp pháp;
- Không thuộc đối tượng bị cấm hoặc hạn chế sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng;
- Không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty;
- Việc phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư không làm nhà đầu tư trở thành cổ đông lớn của Công ty theo quy định của pháp luật (sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của EVF, bao gồm cả số cổ phần cổ đông/nhà đầu tư đó sở hữu gián tiếp) của Công ty theo quy định của pháp luật;
- Việc mua cổ phần không làm phát sinh vi phạm về giới hạn sở hữu cổ phần của một cổ đông và người có liên quan;
- Không làm phát sinh sở hữu chéo trái quy định;
- Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cụ thể tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 05% vốn điều lệ của EVF; tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ

của EVF; tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của EVF; và tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 50% vốn điều lệ của EVF;

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định pháp luật liên quan.

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên và nội dung được Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền, Hội đồng Quản trị lựa chọn và quyết định danh sách nhà đầu tư tham gia đợt chào bán.

#### **9. Số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư**

Căn cứ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ-TCDL ngày 21/8/2026, Hội đồng Quản trị quyết định danh sách nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư trong phạm vi:

- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán tối đa 85.000.000 cổ phiếu;
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư tại Phương án này;
- Nguyên tắc xác định giá được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Giới hạn sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng;
- Giới hạn sở hữu của cổ đông và người có liên quan;
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Các quy định pháp luật có liên quan.

Danh sách nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua tại Nghị quyết hoặc Quyết định riêng trước khi thực hiện đợt chào bán.

#### **10. Phương thức chào bán**

- Chào bán trực tiếp cho các nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và các điều kiện theo quy định pháp luật.
- Đợt chào bán được thực hiện theo phương thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ và không thực hiện thông qua phương tiện thông tin đại chúng.

#### **11. Phương án đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

Hội đồng Quản trị xác định và tổ chức thực hiện việc phân bổ cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài, nếu có, bảo đảm tổng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sau đợt chào bán không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các giới hạn có liên quan. Trước khi phân bổ, Công ty rà soát tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực tế, số lượng cổ phiếu còn được phép sở hữu và điều kiện của từng nhà đầu tư để quyết định tỷ lệ phân bổ cho nhà đầu tư nước ngoài.

#### **12. Hạn chế chuyển nhượng**

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ các trường hợp:

- Chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;

- Chuyển nhượng theo bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- Chuyển nhượng theo quyết định của Trọng tài;
- Chuyển nhượng do thừa kế;
- Các trường hợp khác được pháp luật cho phép.

### **13. Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết**

Căn cứ nội dung được Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền, Hội đồng Quản trị quyết định xử lý số cổ phiếu không phân phối hết do nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ theo một trong các phương án:

1. Phân phối số cổ phiếu còn lại cho một hoặc nhiều nhà đầu tư khác đáp ứng đầy đủ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư của đợt chào bán; hoặc
2. Quyết định kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

Việc phân phối lại phải bảo đảm:

- Không vượt quá tổng số lượng tối đa 85.000.000 cổ phiếu;
- Nhà đầu tư thay thế đáp ứng đầy đủ điều kiện của đợt chào bán;
- Tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan;
- Tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Không làm phát sinh sở hữu chéo trái quy định;
- Không làm thay đổi mục đích sử dụng vốn;
- Tuân thủ quy định pháp luật về tổ chức tín dụng và chứng khoán.

Danh sách nhà đầu tư thay thế, số lượng cổ phiếu phân phối lại và việc kết thúc đợt chào bán được Hội đồng Quản trị quyết định tại Nghị quyết hoặc Quyết định riêng.

### **14. Đăng ký chứng khoán và niêm yết/đăng ký giao dịch bổ sung**

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký chứng khoán, đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung theo quy định pháp luật. Công ty đồng thời thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ, đề nghị sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động, sửa đổi Điều lệ và các hồ sơ pháp lý liên quan.

## **IV. THỜI GIAN DỰ KIẾN HOÀN THÀNH VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Đợt chào bán dự kiến được triển khai trong năm 2026 và hoàn thành chậm nhất trong Quý I năm 2027, sau khi:

- Được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ;
- Hoàn thành thủ tục đăng ký chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Được Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng vốn điều lệ;
- Hoàn thành các điều kiện, thủ tục và nghĩa vụ công bố thông tin;

- Hội đồng Quản trị quyết định các nội dung chi tiết thuộc phạm vi được giao/ủy quyền.

Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm cụ thể căn cứ:

- Tiến độ xem xét, chấp thuận của các cơ quan quản lý;
- Kết quả lựa chọn và đàm phán với nhà đầu tư;
- Điều kiện thị trường;
- Kế hoạch sử dụng vốn;
- Lợi ích của Công ty và cổ đông.

Trường hợp thời gian thực hiện thay đổi nhưng vẫn trong phạm vi được Đại hội đồng cổ đông cho phép, Hội đồng Quản trị quyết định điều chỉnh tiến độ và tổ chức thực hiện theo quy định.

## **V. DỰ KIẾN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG NĂM LIỀN KÈ SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG THÊM TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

### **1. Các giả định xây dựng kế hoạch**

Kế hoạch tài chính từ năm 2026 đến năm 2028 được xây dựng trên cơ sở giả định đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoàn thành trong năm 2026 và vốn điều lệ tăng thêm được ghi nhận trong năm 2026.

Trường hợp việc tăng vốn điều lệ hoặc hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan kéo dài sang Quý I năm 2027, việc ghi nhận tăng vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, cơ cấu nguồn vốn và tiến độ sử dụng vốn sẽ được điều chỉnh tương ứng theo thời điểm hoàn thành thực tế, nhưng không làm thay đổi mục đích sử dụng vốn đã được phê duyệt.

Kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở tổng thể nguồn vốn và tài sản của Công ty, bao gồm vốn điều lệ tăng thêm, lợi nhuận giữ lại, nguồn vốn huy động, dòng tiền thu nợ và các nguồn vốn hợp pháp khác. Việc biến động của từng khoản mục tài sản không đồng nghĩa với việc sử dụng trực tiếp số tiền thu được từ đợt chào bán cho khoản mục đó.

Trên cơ sở các giả định nêu trên, Công ty dự kiến kế hoạch tài chính năm 2026 - 2028 như sau:

### **2. Dự kiến Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị: tỷ đồng

| STT         | CHỈ TIÊU                                 | KH năm<br>2026 | KH năm<br>2027 | KH năm<br>2028 |
|-------------|------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>A.</b>   | <b>TÀI SẢN</b>                           | <b>93.000</b>  | <b>105.000</b> | <b>118.000</b> |
| <b>I.</b>   | <b>Tiền mặt</b>                          | <b>8</b>       | <b>7</b>       | <b>6</b>       |
| <b>II.</b>  | <b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>   | <b>500</b>     | <b>700</b>     | <b>750</b>     |
| <b>III.</b> | <b>Tiền gửi và cho vay các TCTD khác</b> | <b>7.750</b>   | <b>8.900</b>   | <b>9.400</b>   |
| <b>IV.</b>  | <b>Chứng khoán kinh doanh</b>            | <b>3.500</b>   | <b>3.500</b>   | <b>3.850</b>   |
| 1           | Chứng khoán kinh doanh                   | 3.500          | 3.500          | 3.850          |
| 2           | DPRR CKKD                                | 0              | 0              | 0              |
| <b>V.</b>   | <b>Cho vay khách hàng</b>                | <b>71.640</b>  | <b>82.489</b>  | <b>94.851</b>  |

| STT                     | CHỈ TIÊU                                                     | KH năm<br>2026 | KH năm<br>2027 | KH năm<br>2028 |
|-------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1.                      | Cho vay khách hàng                                           | 73.000         | 84.449         | 97.487         |
| 2.                      | Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                           | (1.360)        | (1.961)        | (2.636)        |
| <b>VI.</b>              | <b>Mua nợ</b>                                                | <b>1.985</b>   | <b>1.787</b>   | <b>1.687</b>   |
| 1                       | Mua nợ                                                       | 2.000          | 1.800          | 1.700          |
| 2                       | Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ                             | (15)           | (14)           | (13)           |
| <b>VII.</b>             | <b>Chứng khoán đầu tư</b>                                    | <b>1.635</b>   | <b>1.645</b>   | <b>1.668</b>   |
| 1.                      | Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                           | 1.680          | 1.700          | 1.730          |
| 2.                      | Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư                           | (45)           | (55)           | (62)           |
| <b>VIII.</b>            | <b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>                               | <b>1.795</b>   | <b>1.820</b>   | <b>1.865</b>   |
| 1.                      | Đầu tư dài hạn khác                                          | 1.870          | 1.900          | 1.950          |
| 2.                      | Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                             | (75)           | (80)           | (85)           |
| <b>IX.</b>              | <b>Tài sản cố định</b>                                       | <b>225</b>     | <b>210</b>     | <b>196</b>     |
| <b>X.</b>               | <b>Tài sản Có khác</b>                                       | <b>3.961</b>   | <b>3.942</b>   | <b>3.727</b>   |
| <b>B.</b>               | <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                         | <b>93.000</b>  | <b>105.000</b> | <b>118.000</b> |
| <b>I.</b>               | <b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>                         | <b>20.663</b>  | <b>22.450</b>  | <b>25.198</b>  |
| <b>II.</b>              | <b>Tiền gửi của khách hàng</b>                               | <b>15.200</b>  | <b>16.500</b>  | <b>18.300</b>  |
| <b>III.</b>             | <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b> | <b>11.820</b>  | <b>16.680</b>  | <b>19.500</b>  |
| <b>IV.</b>              | <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>                              | <b>31.375</b>  | <b>33.950</b>  | <b>37.800</b>  |
| <b>V.</b>               | <b>Các khoản nợ khác</b>                                     | <b>2.174</b>   | <b>2.274</b>   | <b>2.325</b>   |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b> |                                                              | <b>81.231</b>  | <b>91.853</b>  | <b>103.122</b> |
| <b>VI.</b>              | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                                        | <b>11.768</b>  | <b>13.148</b>  | <b>14.878</b>  |
| 1.                      | Vốn và các quỹ                                               | 9.587          | 9.789          | 10.055         |
| 2.                      | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                            | 2.181          | 3.359          | 4.823          |

(\*) Công ty đảm bảo thực hiện tăng trưởng tín dụng năm 2027, 2028 theo mức cho phép của Ngân hàng Nhà nước.

#### Ghi chú:

- Kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở quản trị tổng thể tài sản và nguồn vốn. Số tiền thu được từ đợt chào bán được theo dõi riêng và sử dụng cho hoạt động cấp tín dụng theo Phương án. Biến động của các khoản tiền gửi, cho vay các tổ chức tín dụng, chứng khoán và các tài sản khác được hình thành từ lợi nhuận giữ lại, dòng tiền thu nợ, nguồn vốn huy động và các nguồn vốn hợp pháp khác của Công ty. Số liệu tại một số chỉ tiêu có thể không cộng ngang do làm tròn.

- Kế hoạch vốn chủ sở hữu nêu trên được xây dựng theo nguyên tắc thận trọng và chưa bao gồm phần thặng dư vốn cổ phần có thể phát sinh do giá chào bán cụ thể chưa được xác định tại thời điểm lập kế hoạch. Phần thặng dư vốn cổ phần sẽ được cập nhật theo kết quả chào bán thực tế.

#### 3. Dự kiến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT  | Chỉ tiêu                                                                       | KH năm<br>2026 | KH năm<br>2027 | KH năm<br>2028 |
|------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1    | Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự                                 | 8.433          | 9.787          | 11.166         |
| 2    | Chi phí lãi và các chi phí tương tự                                            | (5.932)        | (6.762)        | (7.634)        |
| I    | Thu nhập lãi thuần                                                             | 2.502          | 3.025          | 3.532          |
| 3    | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                                                  | 84             | 125            | 198            |
| 4    | Chi phí hoạt động dịch vụ                                                      | (16)           | (17)           | (18)           |
| II   | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ                                              | 68             | 108            | 180            |
| III  | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối                                 | (320)          | (341)          | (353)          |
| IV   | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư, CKKD                     | 225            | 233            | 247            |
| V    | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác                                                 | 93             | 50             | 70             |
| VI   | Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần                                                | 1              | 10             | 20             |
| VII  | Chi phí hoạt động                                                              | (384)          | (435)          | (521)          |
| VIII | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 2.185          | 2.649          | 3.174          |
| IX   | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng                                               | (860)          | (900)          | (975)          |
| X    | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                                               | <b>1.325</b>   | <b>1.750</b>   | <b>2.200</b>   |
| XI   | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp                                             | (265)          | (350)          | (440)          |
| XII  | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                                      | <b>1.060</b>   | <b>1.400</b>   | <b>1.760</b>   |

**Ghi chú về hoạt động ngoại hối:** Khoản lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối chủ yếu phản ánh chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với các nguồn vốn bằng ngoại tệ của Công ty, không phát sinh từ hoạt động kinh doanh ngoại hối. Chi phí phòng ngừa rủi ro được xem xét trong tổng thể chi phí của nguồn vốn nước ngoài, góp phần ổn định dòng tiền và hạn chế tác động của biến động tỷ giá đối với nghĩa vụ trả nợ của Công ty.

#### 4. Dự kiến kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm trong hoạt động kinh doanh

Toàn bộ số tiền thuần thực tế thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cấp tín dụng. Dự kiến vốn được giải ngân trong năm 2026 và năm 2027, tùy thuộc thời điểm hoàn thành đợt chào bán, số tiền thực tế thu được, nhu cầu cấp tín dụng, khả năng hấp thụ vốn của khách hàng và các giới hạn an toàn.

| Thời gian        | Mục đích sử dụng                         | Tiến độ sử dụng dự kiến                    |
|------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Năm 2026         | Bổ sung vốn cho hoạt động cấp tín dụng   | Theo tiến độ giải ngân thực tế             |
| Năm 2027         | Tiếp tục giải ngân phần vốn chưa sử dụng | Phần còn lại                               |
| <b>Tổng cộng</b> |                                          | <b>100% số tiền thuần thực tế thu được</b> |

#### 5. Tác động dự kiến của việc tăng vốn

Việc tăng vốn dự kiến:

- Tăng vốn điều lệ tối đa 850 tỷ đồng;
- Tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với số tiền thực tế thu được sau khi trừ chi phí;
- Tăng dư địa cấp tín dụng;
- Hỗ trợ tăng trưởng tổng tài sản và thu nhập lãi thuần;
- Củng cố tỷ lệ an toàn vốn;
- Cải thiện năng lực huy động vốn;
- Hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận trong trung hạn;
- Tạo nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh và xếp hạng tín nhiệm.

Trong giai đoạn đầu sau tăng vốn, ROE và EPS có thể giảm do vốn chủ sở hữu và số lượng cổ phiếu tăng trước khi nguồn vốn được giải ngân và tạo ra đầy đủ thu nhập. Công ty quản lý tiến độ giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn nhằm hạn chế tác động pha loãng và nâng cao hiệu quả vốn chủ sở hữu.

## **VI. KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO ĐỐI VỚI QUY MÔ VỐN ĐIỀU LỆ MỚI**

### **1. Năng lực quản trị và điều hành**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị, điều hành phù hợp với mô hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ.

Hội đồng Quản trị thực hiện phê duyệt chiến lược, kế hoạch kinh doanh, khẩu vị rủi ro, các giới hạn trọng yếu và giám sát hoạt động của Ban Điều hành. Ban Điều hành tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh, quản lý việc sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về hiệu quả, an toàn trong hoạt động của Công ty.

Việc tăng vốn điều lệ không làm thay đổi cơ bản mô hình quản trị hiện tại. Công ty sẽ tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân cấp thẩm quyền và cơ chế phối hợp để bảo đảm phù hợp với quy mô hoạt động sau tăng vốn.

### **2. Năng lực quản trị vốn**

Công ty thực hiện quản trị vốn trên cơ sở:

- Kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản và tài sản có rủi ro;
- Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN;
- Bộ đệm vốn quản trị nội bộ;
- Kế hoạch lợi nhuận và khả năng tạo vốn nội bộ;
- Các kịch bản biến động về tín dụng, lãi suất, thanh khoản và chất lượng tài sản.

Công ty thực hiện quản trị tổng thể tài sản và nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán. Sau khi tăng vốn, Công ty tiếp tục theo dõi tỷ lệ an toàn vốn định kỳ và chủ động điều chỉnh: quy mô tăng trưởng, cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, danh mục tín dụng, mức độ tập trung, tiến độ giải ngân khi cần thiết để bảo đảm an toàn và hiệu quả.

### **3. Quản trị rủi ro tín dụng**

Công ty thực hiện quản trị rủi ro tín dụng đối với hoạt động cấp tín dụng từ nguồn vốn tăng thêm theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và hệ thống quy định nội bộ của Công ty tại từng thời kỳ.

Việc cấp tín dụng được thực hiện phù hợp với năng lực tài chính, khẩu vị rủi ro, các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn của Công ty; đồng thời được kiểm soát, giám sát và quản lý rủi ro theo quy định.

### **4. Quản trị rủi ro tập trung**

Công ty thực hiện quản trị rủi ro tập trung theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và hệ thống quy định nội bộ của Công ty tại từng thời kỳ.

Công ty thường xuyên theo dõi, đánh giá và kiểm soát mức độ tập trung rủi ro phù hợp với năng lực vốn, khả năng chịu đựng rủi ro, khẩu vị rủi ro và các giới hạn theo quy định; đồng thời chủ động thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết nhằm bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả.

### **5. Quản trị thanh khoản và rủi ro lãi suất**

Công ty thực hiện quản trị thanh khoản và rủi ro lãi suất theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và hệ thống quy định nội bộ của Công ty tại từng thời kỳ.

Việc quản trị tài sản – nguồn vốn được thực hiện trên cơ sở bảo đảm khả năng thanh khoản, phù hợp về kỳ hạn và chi phí vốn, kiểm soát rủi ro lãi suất và duy trì các tỷ lệ, giới hạn an toàn theo quy định.

Công ty thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thanh khoản, cơ cấu tài sản – nguồn vốn và diễn biến thị trường để chủ động thực hiện các biện pháp điều chỉnh phù hợp, bảo đảm hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả.

### **6. Kiểm soát việc sử dụng vốn tăng thêm**

Công ty thực hiện quản lý, theo dõi và kiểm soát việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo Phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của pháp luật và các quy định nội bộ có liên quan.

Tình hình sử dụng vốn được tổng hợp, báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

Công ty thực hiện các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin, giải trình và cung cấp thông tin về tình hình sử dụng vốn cho cơ quan quản lý nhà nước và các cấp có thẩm quyền theo quy định.

### **7. Hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ**

Công ty duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và mô hình tổ chức của Công ty, bảo đảm các rủi ro trọng yếu được nhận diện, giám sát và kiểm soát.

Hệ thống kiểm soát nội bộ được tổ chức theo các tuyên bảo vệ phù hợp, trong đó các đơn vị kinh doanh, quản trị rủi ro, tuân thủ và kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và thẩm quyền được phân công.

#### **8. Khả năng đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn**

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh và kế hoạch sử dụng vốn, Công ty dự kiến duy trì đầy đủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Công ty thực hiện tính toán, theo dõi và báo cáo định kỳ; đồng thời chủ động điều chỉnh quy mô tăng trưởng, cơ cấu tài sản và nguồn vốn khi các chỉ tiêu an toàn tiệm cận giới hạn quản trị nội bộ hoặc giới hạn theo quy định pháp luật.

#### **9. Năng lực công nghệ và dữ liệu**

Công ty tiếp tục duy trì và nâng cao năng lực công nghệ, hệ thống thông tin và dữ liệu phù hợp với quy mô hoạt động sau khi tăng vốn, phục vụ hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, báo cáo quản trị và đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý.

Việc đầu tư, nâng cấp và vận hành hệ thống công nghệ được thực hiện phù hợp với nhu cầu hoạt động, yêu cầu an toàn, bảo mật thông tin và quy định có liên quan.

#### **10. Năng lực nhân sự**

Công ty thực hiện rà soát, bố trí và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động và yêu cầu quản trị sau khi tăng vốn điều lệ, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

Việc phát triển hoạt động được thực hiện phù hợp với năng lực nhân sự, hệ thống quản trị và năng lực vận hành của Công ty, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững.

#### **11. Kết luận**

Trên cơ sở hệ thống quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ hiện có, cùng với việc tiếp tục rà soát và hoàn thiện phù hợp với quy mô hoạt động, Công ty đánh giá có khả năng quản lý quy mô vốn điều lệ mới, tổ chức sử dụng nguồn vốn tăng thêm theo Phương án, kiểm soát các rủi ro phát sinh và duy trì các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định, qua đó bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả sau khi tăng vốn.

### **VII. CAM KẾT CỦA CÔNG TY**

Công ty cam kết:

1. Các thông tin trong Phương án này là trung thực, đầy đủ và được lập trên cơ sở các thông tin, số liệu hiện có;
2. Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật;
3. Việc tăng vốn và phân bổ cổ phiếu không làm phát sinh vi phạm giới hạn sở hữu cổ phần, sở hữu chéo và tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
4. Toàn bộ số tiền thuần thực tế thu được từ đợt chào bán được sử dụng đúng mục đích theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hội đồng Quản trị triển khai trong phạm vi được giao/ủy quyền;
5. Công ty thực hiện quản lý và theo dõi riêng số tiền thu được và tình hình sử dụng vốn theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty;
6. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin;
7. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Phương án và việc triển khai đợt chào bán;
8. Công ty bảo đảm duy trì các tỷ lệ và giới hạn an toàn hoạt động theo quy định;
9. Công ty thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động, Điều lệ và các hồ sơ liên quan sau khi hoàn thành đợt chào bán.

\*\*\*\*\*

